**Bài 17. THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Năng lực đặc thù:***

– Ôn tập:

+ Các khả năng xảy ra (có tính ngẫu nhiên) của một sự kiện khi thực hiện thí nghiệm đơn giản. Ghi chép số liệu thống kê. Vận dụng được tỉ số để mô tả số lần lặp lại của một khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một thí nghiệm so với tổng số lần thực hiện thí nghiệm.

+ Ước lượng, đo chiều dài đoạn thẳng. Vận dụng kiến thức về tỉ lệ bản đồ, tính chiều dài quãng đường thực tế.

***2. Năng lực chung.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong HĐ nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**- GV**: Các hình ảnh có trong bài, bài giảng PPT, bảng phụ, trò chơi, bình nước, vòng, bảng thống kê, hình vẽ bài 2 (nếu cần).

- **HS**: Bộ đồ dùng học toán, SGK, VBT, bình nước, vòng, bảng thống kê, …

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  ***- Mục tiêu:*** *+ Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.*  *+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.*  ***- Cách tiến hành:*** | |
| GV có thể cho HS chơi “Tôi bảo” để kiểm tra dụng cụ học tập của HS | HS tham gia trò chơi theo hiệu lệnh của GV. |
| **2. Luyện tập – Thực hành**  - Mục tiêu: Ôn tập:  *+ Các khả năng xảy ra (có tính ngẫu nhiên) của một sự kiện khi thực hiện thí nghiệm đơn giản. Ghi chép số liệu thống kê. Vận dụng được tỉ số để mô tả số lần lặp lại của một khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một thí nghiệm so với tổng số lần thực hiện thí nghiệm.*  *+ Ước lượng, đo chiều dài đoạn thẳng. Vận dụng kiến thức về tỉ lệ bản đồ, tính chiều dài quãng đường thực tế.*  - Cách tiến hành | |
| GV vấn đáp giúp HS ôn lại:  + Cách mô tả các khả năng xảy ra.  + Cách ghi chép số liệu thống kê.  + Cách tính chiều dài quãng đường thực tế dựa trên tỉ lệ bản đồ và chiều dài đoạn đường trên hình vẽ. | -HS trả lời các câu hỏi của GV |
| **3. Vận dụng – Trải nghiệm**  - Mục tiêu: *Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.*  - Cách tiến hành: | |
| **Hoạt động 1. Trò chơi ném vòng trúng đích.**  – GV cùng HS chuẩn bị.  A drawing of a cylinder  Description automatically generated  – GV tổ chức cho HS chơi.  •Bước 1: GV phổ biến cách chơi.  •Bước 2: GV tổ chức cho HS chơi thử.  •Bước 3, 4: GV quan sát HS chơi.  – GV giúp HS trong tổ chọn bạn có tỉ số lớn nhất, các bạn trong tổ vỗ tay hoan hô.  **Hoạt động 2. Dựa vào hình vẽ, xác định đường đi và độ dài quãng đường.**  - GV cho HS thảo luận nhóm đôi.  - Với những HS còn hạn chế, GV có thể giúp các em nhắc lại cách ước lượng, cách dùng thước đo đoạn thẳng, cách tính độ dài thực tế dựa vào tỉ lệ bản đồ và độ dài trên bản đồ.  – Sửa bài, GV có thể tổ chức cho HS chơi bắn tên, khuyến khích HS nói cách làm.  – GV hệ thống cách làm:  •Độ dài thật = độ dài trên bản đồ × số lần  Lưu ý: GV có thể nêu nhận xét “Giữa hai địa điểm, đường đi thẳng là đường có độ dài ngắn nhất” | HS hoạt động theo nhóm bốn.  Việc 1. Chuẩn bị chơi  •Bước 1: Vẽ ô đặt bình nước.  Bước 2: Đánh dấu vị trí đứng ném vòng cách ô đặt bình nước 2 m.  Việc 2. Chơi theo nhóm bốn  •Bước 1:  + HS lần lượt thay nhau tung một chiếc vòng liên tiếp 10 lần.  + Mỗi lần ném vòng trúng đích vẽ 1 vạch vào ô “Vòng trúng đích”.    + Mỗi lần ném vòng không trúng đích vẽ 1 vạch vào ô “Vòng không trúng đích”.  Ví dụ:    •Bước 2: HS chơi thử.  •Bước 3: HS chơi theo nhóm bốn trong 10 phút.  •Bước 4: HS tính tỉ số của số vòng trúng đích và tổng số vòng đã ném.    – HS (nhóm đôi) đọc các yêu cầu, nhận biết nhiệm vụ, thảo luận tìm cách làm.  + Ước lượng → So sánh → Chọn quãng đường ngắn hơn.  + Ước lượng (theo xăng-ti-mét) → Đo.  + Xác định tỉ lệ bản vẽ → Tính độ dài quãng đường (theo mét). |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

**Bài 18. SỐ THẬP PHÂN (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

***1. Năng lực đặc thù***

- Nhận biết khái niệm ban đầu về số thập phân; lập số, đọc, viết các STP ở dạng đơn giản.

- Viết được các phân số thập phân và hỗn số có chứa PSTP thành số thập phân.

- Giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến số thập phân.

***2. Năng lực chung***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ nhau trong HĐ nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**- Giáo viên** :

* Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
* Hình vẽ phần Khởi động, Thực hành 1, Luyện tập 2, Vui học; hình vẽ bảng ô vuông (nếu cần).

- **Học sinh** : Bộ đồ dùng học toán, SGK, VBT, …

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức trò chơi “Tôi bảo”.  + GV vừa nói vừa viết bảng. Số bánh của tôi là:  GV viết bảng 01.  GV viết bảng 05.  GV viết bảng 050.  + GV viết bảng và hỏi:  3 là Loại số?  → Phần nguyên?  → Phần phân số?  là Loại số?  → So sánh với 1  → Phần nguyên?  → Phần phân số?  GV trình chiếu (hoặc treo) hình vẽ Khởi động lên cho HS quan sát và vấn đáp.    GV giới thiệu bài: “Hai phẩy năm là một số thập phân. Hôm nay chúng ta học bài Số thập phân.” | – HS quan sát và vấn đáp.  - HS trả lời:  Một cái bánh.  Năm cái bánh.  Năm mươi cái bánh.  HS thực hiện theo các nội dung.  Hỗn số có chứa phân số thập phân.  -Phần nguyên là 3  - Phần phân số là  - Phân số thập phân.  - Bé hơn 1.  - Không có phần nguyên tức là phần nguyên bằng 0.  –HS quan sát và vấn đáp.  –HS mô tả bức tranh → Đọc các bóng nói từ trái sang phải.  -HS lắng nghe và ghi vở |
| **2. Khám phá, hình thành kiến thức mới: Viết các số đo khối lượng dưới dạng số thập phân**  **-** Mục tiêu: *Nhận biết khái niệm ban đầu về số thập phân; lập số, đọc, viết các số thập phân ở dạng đơn giản. Viết được các phân số thập phân và hỗn số có chứa phân số thập phân thành số thập phân.*  **-** Cách tiến hành: | |
| 1. **Giới thiệu số thập phân**    * Các phân số thập phân, các hỗn số có chứa phân số thập phân có thể viết dưới dạng số thập phân.    * Mỗi số thập phân gồm hai phần: phần nguyên và phần thập phân, chúng được phân cách bởi dấu phẩy.   GV viết trên bảng lớp:  **… , …**    Phần nguyên Phần thập phân   * + GV lần lượt trình chiếu (hoặc treo) từng hình.   + GV yêu cầu HS thực hiện:   + Viết phân số thập phân hoặc hỗn số có chứa phân số thập phân.  + Viết số thập phân.  *Viết phân số thập phân bé hơn* 1 *dưới dạng số thập phân*  Ví dụ 1:  a)  + Băng giấy được chia thành bao nhiêu phần bằng nhau, đã tô màu mấy phần?  + Hãy viết phân số biểu thị phần tô màu của băng giấy.  + Ta sẽ viết phân số thập phân dưới dạng số thập phân.  So sánh với 1.  Phân số này có phần nguyên không?  → Số thập phân cần viết có phần nguyên là 0 (GV viết trên bảng lớp:  = 0, ).  Mẫu số của  có mấy chữ số 0?  → Số thập phân đang viết sẽ có một chữ số ở phần thập phân  → Tử số của 1 có một chữ số là 1, ta viết  → GV giới thiệu: 0,1 là một số thập phân, đọc là: Không phẩy một.  Lưu ý: Có hai cách đọc số thập phân.  –Viết sao đọc vậy (sử dụng cho bài này).  –Đọc dựa vào việc mở rộng cách đọc các số tự nhiên (Bài 19).  b)  + Hãy viết phân số biểu thị phần tô màu của tờ giấy và giải thích tại sao viết như vậy.  + Viết phân số thập phân dưới dạng số thập phân.  Viết phần nguyên và dấu phẩy (= 0,01).  Tại sao viết như vậy?  Mẫu số của phân số có mấy chữ số 0?  → Số thập phân đang viết sẽ có hai chữ số ở phần thập phân.  Tử số của PS chỉ có một chữ số là 1  → Ta viết 01 ở phần thập phân (= 0,01)  → Đọc: Không phẩy không một.  c) Viết phân số thập phân dưới dạng số thập phân.  GV lưu ý HS: Có bao nhiêu chữ số 0 ở mẫu số của phân số thập phân thì có bấy nhiêu chữ số ở phần thập phân của số thập phân.  **Ví dụ 2:**  GV hướng dẫn HS đọc các số thập phân.    **Ví dụ 3: Viết các hỗn số có chứa phân số thập phân dưới dạng số thập phân**.  a)  + Đã tô màu bao nhiêu băng giấy?  + Viết hỗn số biểu thị phần tô màu của các băng giấy.  + Ta sẽ viết HS thành số thập phân.  Phần nguyên của hỗn số là bao nhiêu?  → Phần nguyên của STP cũng là 3  (Ta viết: = 3, ).  Phần thập phân của số thập phân gồm mấy chữ số, đó là chữ số nào, tại sao?  →Viết tiếp = 3,5→Đọc: Ba phẩy năm.  b) và c): GV hướng dẫn đọc.    **2. Hệ thống hoá nội dung bài học**  GV hướng dẫn HS đưa ra những nhận xét:  – Số thập phân gồm có mấy phần? Đó là  những phần nào? Được ngăn cách bởi dấu gì?  Bên trái dấu phẩy là phần gì? Phần bên phải dấu phẩy có tên gọi là gì?  – Khi viết một phân số hay hỗn số dưới dạng số thập phân, cần lưu ý những gì?  + Các phân số, hỗn số đó phải là phân số  thập phân hay hỗn số có chứa phân số thập phân.  + Nếu phân số thập phân đó bé hơn 1 thì phần nguyên là bao nhiêu?  + Số chữ số ở phần thập phân phụ thuộc vào đâu?  Áp dụng: GV viết phân số thập phân hay hỗn số có chứa phân số thập phân. | –HS (nhóm đôi) quan sát theo gợi ý của GV.  –HS thực hiện các yêu cầu của GV.  10 phần, 1 phần.  Phân số này không có phần nguyên, tức là phần nguyên bằng 0.  Mẫu số của  có 1 chữ số 0.  –HS viết vào bảng con  –HS giải thích tương tự Ví dụ a.  - Mẫu số của phân số có 2 chữ số 0  –HS thảo luận nhóm đôi và viết vào bảng con (= 0,001).  –HS giải thích:  PSTP bé hơn 1→Phần nguyên là 0.  Mẫu số có ba chữ số 0 → Có ba chữ số phần thập phân → 001.  + Đọc: Không phẩy không không một  HS tự viết các phân số thập phân thành số thập phân rồi chia sẻ nhóm bốn.  3 băng giấy và băng giấy.  Đã tô màu bao 3 băng giấy  Một chữ số 5 vì mẫu số có một chữ số 0 và tử số của phân số là 5.  – HS nhóm đôi viết các hỗn số thành số thập phân, giải thích cách viết.  Phần nguyên là 0.  Số chữ số 0 ở mẫu số.  – HS viết số thập phân (bảng con) HS gạch một gạch dưới phần nguyên, hai gạch dưới phần thập phân. |
| **3.Vận dụng trải nghiệm**  **-** Mục tiêu: *Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.*  **-** Cách tiến hành: | |
| GV tổng kết tiết học, dặn dò, tuyên dương | HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

**Bài 18. SỐ THẬP PHÂN (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

***1. Năng lực đặc thù***

- Nhận biết khái niệm ban đầu về số thập phân; lập số, đọc, viết các STP ở dạng đơn giản.

- Viết được các phân số thập phân và hỗn số có chứa PSTP thành số thập phân.

- Giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến số thập phân.

***2. Năng lực chung***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ nhau trong HĐ nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**- Giáo viên** :

* Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
* Hình vẽ phần Khởi động, Thực hành 1, Luyện tập 2, Vui học; hình vẽ bảng ô vuông (nếu cần).

- **Học sinh** : Bộ đồ dùng học toán, SGK, VBT, …

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức trò chơi “Khu vườn mùa hè”.  + GV nêu 1 số câu hỏi kiểm tra bài cũ tiết 1 (4 câu hỏi trên ppt)  -GV giới thiệu bài mới | - HS chơi trò chơi:  -HS lắng nghe và ghi vở |
| **2. Luyện tập – Thực hành**  **-** Mục tiêu: *Giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến số thập phân.*  **-** Cách tiến hành: | |
| ***Bài 1:***  – GV mời HS đọc yêu cầu BT1  - GV hướng dẫn HS tìm hiểu bài, nhận biết yêu cầu của bài.  - GV “Hỏi nhanh – Đáp gọn” giúp HS ôn lại:  + Cách viết phân số thập phân hay hỗn số có chứa phân số thập phân.  + Cách viết số thập phân.  –GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân.  –Sửa bài, GV có thể trình chiếu (hoặc treo) hình vẽ lên rồi cho HS chơi tiếp sức để sửa bài, khuyến khích HS giải thích cách làm (tạo điều kiện cho nhiều HS trình bày).  **Bài 2:**  – GV mời HS đọc yêu cầu BT2  –GV hướng dẫn HS tìm hiểu bài, nhận biết yêu cầu của bài.  –GV “Hỏi nhanh – Đáp gọn” giúp HS ôn lại cách viết phân số thập phân và hỗn số có chứa phân số thập phân thành số thập phân.  + Nếu phân số thập phân đó bé hơn 1 thì phần nguyên là bao nhiêu?  + Số chữ số ở phần thập phân phụ thuộc vào đâu?  –GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân.  –Sửa bài, GV khuyến khích nhiều nhóm trình bày.  **Bài 3:**  – GV mời HS đọc yêu cầu BT3  –GV hướng dẫn HS tìm hiểu bài, nhận biết yêu cầu của bài.  –GV “Hỏi nhanh – Đáp gọn” giúp HS ôn lại cách xác định vị trí của phần nguyên và phần thập phân.  –GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân.  –Sửa bài, GV tạo điều kiện cho nhiều HS nói (theo mẫu).  *Lưu ý:* GV cũng có thể trình chiếu (hoặc viết) từng số cho HS nêu các phần (giải thích cách làm).  **Luyện tập**  **Bài 1:**  –GV hướng dẫn HS tìm hiểu bài.  + Viết thế nào?  – Sửa bài, GV khuyến khích nhiều nhóm trình bày.  – GV có thể giúp HS nhận xét:  3  = 3,7 . Viết 37 (tử số) . Đếm: một chữ số 0 (ở mẫu số). Đếm một chữ số (từ phải sang trái) của số 37 rồi viết dấu phẩy: 3,7  = 2,28 . Viết 228 (tử số)  Đếm:  hai chữ số 0 (ở mẫu số) . Đếm hai chữ số (từ phải sang trái) của số 228 rồi viết dấu phẩy: 2,28 | -HS đọc yêu cầu BT1  – HS (nhóm đôi) tìm hiểu bài, nhận biết yêu cầu của bài:  + Viết phân số thập phân hay hỗn số có chứa phân số thập phân.  + Chuyển phân số thập phân hay hỗn số có chứa phân số thập phân thành số thập phân.  – HS thực hiện cá nhân.      -HS đọc yêu cầu BT2  –HS (nhóm đôi) tìm hiểu bài, nhận biết yêu cầu của bài: Viết phân số thập phân và hỗn số có chứa phân số thập phân thành số thập phân.  Nếu phân số thập phân đó bé hơn 1 thì phần nguyên là 0.  Số chữ số ở phần thập phân phụ thuộc vào số chữ số 0 ở mẫu số.  –HS thực hiện cá nhân rồi chia sẻ với bạn.    –HS (nhóm đôi) tìm hiểu bài, nhận biết yêu cầu của bài: Nêu các chữ số thuộc phần nguyên, phần thập phân (theo mẫu).  –HS thực hiện.   1. 742,5 có phần nguyên gồm các chữ số 7; 4 và 2; phần thập phân gồm có chữ số 5.   –HS (nhóm đôi) tìm hiểu bài, nhận biết yêu cầu của bài: Viết các phân số thập phân thành số thập phân.  –HS thảo luận.  + Nếu phân số thập phân bé hơn 1: Thực hiện như đã học.  + Nếu phân số thập phân lớn hơn 1:  Bước 1: Chuyển phân số thập phân thành hỗn số có chứa phân số thập phân.  Chia nhẩm tử số cho mẫu số: 716 : 100 = 7 (dư 16).    Bước 2: Chuyển hỗn số có chứa phân số thập phân thành số thập phân.    –HS thực hiện cá nhân, rồi chia sẻ với bạn.   |  | | --- | | a) 7 = 0,7;  10 | | b) 4 = 0, 04;  100 | | c) 37 = 3 7 = 3,7; | | 10 10 | | d) 228 = 2 28 = 2,28.  100 100 | |
| **4. Vận dụng trải nghiệm .**  - Mục tiêu: *Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.*  - Cách tiến hành: | |
| **Bài 2:**  –GV hướng dẫn HS tìm hiểu bài.  –Sửa bài, GV khuyến khích HS giải thích cách làm.  **Bài 3:**  –GV (hoặc một HS) đọc từng câu, cho HS chọn thẻ Đ/S rồi giơ lên theo hiệu lệnh của GV.  –Sửa bài, GV khuyến khích HS giải thích.  **Vui học**  –GV hướng dẫn HS tìm hiểu bài, nhận biết yêu cầu.  – Khi sửa bài, GV khuyến khích HS giải thích cách làm.  Lưu ý: GV cũng có thể trình chiếu (hoặc treo) từng hình vẽ lên cho HS quan sát và thực hiện yêu cầu của bài toán. | - HS (nhóm đôi) tìm hiểu bài, nhận biết yêu cầu: Viết số thập phân.  –HS thảo luận để tìm cách thực hiện.  –HS làm bài cá nhân.    –Cả lớp suy nghĩ, chọn thẻ Đ/S (hoặc viết Đ/S vào bảng con) rồi giơ lên theo hiệu lệnh của GV.    –HS (nhóm đôi) tìm hiểu bài, nhận biết yêu cầu: Viết theo mẫu.  –HS thảo luận nhóm đôi để tìm cách thực hiện. Dựa vào hình vẽ: Cái bánh được chia thành mấy phần bằng nhau? Đã ăn hết mấy phần? Còn lại mấy phần?  + Việc 1: Dựa vào hình vẽ . Viết phân số chỉ số phần bánh còn lại, rồi chuyển thành phân số thập phân.  + Việc 2: Chuyển phân số thập phân thành số thập phân. (Có thể viết thành hỗn số có chứa phân số thập phân hoặc dựa vào nhận xét ở Luyện tập 1.)  – HS làm bài cá nhân. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

**Bài 19. HÀNG CỦA SỐ THẬP PHÂN.**

**ĐỌC, VIẾT SỐ THẬP PHÂN**

**(Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Năng lực đặc thù:***

- Nhận biết các hàng của số thập phân, quan hệ giữa các hàng của số thập phân.

- Đọc và viết được số thập phân. Xác định được hàng của mỗi chữ số trong số thập phân, vị trí của các số thập phân đơn giản trên tia số. Viết các số thập phân thành phân số thập phân hay hỗn số có chứa phân số thập phân.

- HS vận dụng để giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến STP và đơn vị đo dộ dài.

***2. Năng lực chung.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong HĐ nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ nhau trong HĐ nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**- Giáo viên** : Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point, hình ảnh, bảng phụ, … Hình vẽ phần Khởi động, khung các đơn vị hàng phần Cùng học, tia số bài Luyện tập 2; Thẻ số bài Luyện tập 4 (nếu cần).

- **Học sinh** : Bộ đồ dùng học toán, SGK, VBT, …

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức trò chơi “Đố bạn?”.  – GV treo (hoặc trình chiếu) hình vẽ cho HS quan sát  🡪 GV giới thiệu bài. | - HS tham gia trò chơi  – HS hoàn thiện các câu nói (theo mẫu):  + Mẫu: Do 1 gấp 10 lần nên 1 gấp 10 lần 0,1.  + Do 1 gấp 10 lần nên 0,1 gấp ... lần 0,01.  + Do gấp 10 lần nên ... gấp 10 lần ...  – HS sắm vai, đọc các bóng nói theo thứ tự từ trái sang phải. |
| **2. Khám phá, hình thành kiến thức mới:**  **-** Mục tiêu: *Nhận biết các hàng của số thập phân, quan hệ giữa các hàng của số thập phân. Đọc và viết được số thập phân. Xác định được hàng của mỗi chữ số trong STP.*  **-** Cách tiến hành: | |
| **2.1 Giới thiệu các hàng của số thập phân. Đọc, viết số thập phân**  – GV giới thiệu bảng và tên gọi các hàng:   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Hàng trăm | Hàng chục | Hàng đơn vị |  | Hàng phần mười | Hàng phần trăm | Hàng phần nghìn | |  |  |  | , |  |  |  |   + Bên trái dấu phẩy có những hàng nào?  + Bên phải dấu phẩy có những hàng nào?  – GV vừa viết số vào bảng vừa nói:  Có 1 trăm, 6 chục, 4 đơn vị và 3 phần mười,  7 phần trăm, 5 phần nghìn.   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Hàng trăm | Hàng chục | Hàng đơn vị |  | Hàng phần mười | Hàng phần trăm | Hàng phần nghìn | | 1 | 6 | 4 | , | 3 | 7 | 5 |   – GV giới thiệu:  + Ta có số (GV viết bảng lớp): 164,375.  + GV đọc số: Một trăm sáu mươi bốn phẩy  ba trăm bảy mươi lăm.  – GV chỉ tay theo các chữ số của số 164,375.  – GV hướng dẫn để HS nhận xét:  + Khi đọc (hay viết) một số thập phân, ta đọc (hay viết) theo thứ tự nào?  + Đọc (hay viết) phần nào trước?  **2.2 Giới thiệu quan hệ giữa các hàng của số thập phân**  – GV chỉ tay theo các hàng trong bảng.  – GV khái quát: Trong số thập phân (cũng như số tự nhiên), mỗi đơn vị của một hàng bằng 10 đơn vị của hàng thấp hơn liền sau và bằng (hay 0,1) đơn vị của hàng cao hơn liền trước. | – HS nhắc lại tên các hàng.  Hàng đơn vị, hàng chục, hàng trăm.  Hàng phần mười, hàng phần trăm, hàng phần nghìn.  – HS lặp lại.  – HS viết bảng con: 164,375.  – HS lặp lại.  – HS nói: Số 164,375 gồm 1 trăm, 6 chục, 4 đơn vị và 3 phần mười, 7 phần trăm, 5 phần nghìn.  Muốn đọc (hay viết) một số thập phân, ta đọc (hay viết) lần lượt từ hàng cao đến hàng thấp  🡪 Đọc (hay viết) từ trái sang phải.  Đọc (hay viết) phần nguyên, tới dấu phẩy, rồi phần thập phân.  HS nói:  + 1 đơn vị gấp 10 lần 1 phần mười;  1 phần mười gấp 10 lần 1 phần trăm;  1 phần trăm gấp 10 lần 1 phần nghìn.  + Ngược lại:  1 phần nghìn bằng  của 1 phần trăm;  1 phần trăm bằng của 1 phần chục;  1 phần chục bằng của 1 đơn vị. |
| **3. Luyện tập – Thực hành**  **-** Mục tiêu: *Vận dụng để giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến số thập phân và đơn vị đo dộ dài.*  **-** Cách tiến hành: | |
| **Thực hành**  **Bài 1:**  – GV hướng dẫn HS tìm hiểu bài, nhận biết yêu cầu.  – Khi sửa bài, GV khuyến khích HS nói theo mẫu.  GV khuyến khích HS nói: Số 3,5 gồm  3 đơn vị và 5 phần mười.  + Đọc, viết các số theo thứ tự nào?  Lưu ý: GV cũng có thể viết (hay đọc) từng số cho HS đọc (hay viết vào bảng con).  **Bài 2:**  – GV gợi ý cho HS tìm hiểu bài, nhận biết  yêu cầu của bài: Nói theo mẫu.  – Gợi ý tìm hiểu mẫu: Nêu phần nguyên, nêu phần thập phân.  – Khi sửa bài, GV viết số lên bảng lớp,  khuyến khích nhiều HS nói (chỉ tay vào  từng chữ số trên bảng lớp).  **Bài 3:**  – GV gợi ý cho HS tìm hiểu bài.  – Sửa bài, GV khuyến khích nhiều HS nói.  *Lưu ý:* GV cũng có thể đọc từng số cho HS viết vào bảng con. | – HS (nhóm bốn) tìm hiểu mẫu, nhận biết yêu cầu của bài:  a) Đọc số thập phân.  b) Viết số thập phân.  – HS làm bài theo nhóm đôi.  Ví dụ: Mỗi nhóm một số.  a) Một HS đọc số, một HS nói.  Số 3,5 đọc là: “Ba phẩy năm”.  b) Số 102,370 gồm 1 trăm, 2 đơn vị và 3 phần mười, 7 phần trăm.  + Từ trái sang phải.  – HS (nhóm bốn) tìm hiểu bài, nhận biết yêu cầu của bài: Nói theo mẫu.  – Tìm hiểu mẫu: Nêu phần nguyên, nêu phần thập phân.  – HS làm bài cá nhân rồi chia sẻ với bạn.  Ví dụ:    – HS đọc yêu cầu.  – HS xác định các việc cần làm: Viết số.  – HS làm bài cá nhân rồi chia sẻ với bạn.  a) 2,8;  b) 473,29;  c) 85,677;  d) 0,032. |

**ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

**Bài 19. HÀNG CỦA SỐ THẬP PHÂN.**

**ĐỌC, VIẾT SỐ THẬP PHÂN**

**(Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Năng lực đặc thù:***

- Nhận biết các hàng của số thập phân, quan hệ giữa các hàng của số thập phân.

- Đọc và viết được số thập phân. Xác định được hàng của mỗi chữ số trong số thập phân, vị trí của các số thập phân đơn giản trên tia số. Viết các số thập phân thành phân số thập phân hay hỗn số có chứa phân số thập phân.

- HS vận dụng để giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến STP và đơn vị đo dộ dài.

***2. Năng lực chung.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong HĐ nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ nhau trong HĐ nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**- Giáo viên** : Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point, hình ảnh, bảng phụ, … Hình vẽ phần Khởi động, khung các đơn vị hàng phần Cùng học, tia số bài Luyện tập 2; Thẻ số bài Luyện tập 4 (nếu cần).

- **Học sinh** : Bộ đồ dùng học toán, SGK, VBT, …

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | | |
| – GV hướng dẫn HS chơi trò chơi “Xếp hàng thứ tự” để ôn tập: So sánh và sắp xếp phân số, số thập phân theo thứ tự từ bé đến lớn và ngược lại.  – Giáo viên chuẩn bị 2 lá cờ hiệu (cờ giấy nhỏ, 2 lá có màu khác nhau). Mỗi đội có 5 HS sẽ nhận 5 mảnh bìa (kích thước 10 cm x 15 cm), trong các mảnh bìa có ghi các số thập phân, phân số khác nhau.  – Thời gian chơi: 3 phút.  – Cách chơi:  + Hai đội trưởng lên nhận bìa của tổ và phát bìa cho mỗi bạn ở đội mình. GV yêu cầu hai đội quan sát, tự so sánh các số vừa nhận trong nhóm với nhau (trong 1 đến 2 phút). Khi GV hô hiệu lệnh và giơ 2 lá cờ trên 2 tay về hai phía (sang ngang) yêu cầu các em nghe, giơ biển lên cao và xếp mỗi đội một hàng ngang, bắt đầu từ GV. Khi GV đưa 2 lá cờ song song về phía trước các em tập hợp hàng dọc.  + Giáo viên bắt đầu hô các cách khác nhau như:  “Tập hợp theo thứ tự từ bé đến lớn”; “Tập hợp theo thứ tự từ lớn đến bé”. Sau 2 hoặc 3 lần thi sẽ thay đổi các tấm bìa giữa hai đội.  Sau 3 phút kết thúc trò chơi đội nào nhiều điểm sẽ thắng cuộc. | – HS chơi theo hướng dẫn.  - Hai đội trưởng lên nhận bìa của tổ và phát bìa cho mỗi bạn ở đội mình.  - Hai đội quan sát, tự so sánh các số vừa nhận trong nhóm với nhau (trong 1 đến 2 phút).  - Khi GV hô hiệu lệnh và giơ 2 lá cờ trên 2 tay về hai phía (sang ngang) yêu cầu các em nghe, giơ biển lên cao và xếp mỗi đội một hàng ngang, bắt đầu từ GV. Khi GV đưa 2 lá cờ song song về phía trước các em tập hợp hàng dọc.  – Ban thư kí ghi kết quả và tổng hợp điểm.  Mỗi lần xếp hàng đúng thứ tự, nhanh,  không ồn ào, xô lấn, làm lộn xộn: 10 điểm.  Xếp chậm, không thẳng hàng, mất trật tự:  trừ 2 điểm.  Đội nào xếp sai không ghi điểm. | |
| **3. Luyện tập – Thực hành**  **-** Mục tiêu: *Xác định được hàng của mỗi chữ số trong số thập phân, vị trí của các số thập phân đơn giản trên tia số. Viết các số thập phân thành phân số thập phân hay hỗn số có chứ phân số thập phân.*  **-** Cách tiến hành: | | |
| **Luyện tập**  **Bài 1:**  – GV hướng dẫn cho HS tìm hiểu bài, nhận biết yêu cầu của bài.  – Khi sửa bài, GV khuyến khích nhiều HS nói.  Lưu ý: GV cũng có thể viết từng số lên bảng lớp cho HS đọc và nói giá trị của chữ số màu đỏ.  **Bài 2:**  – GV hướng dẫn cho HS tìm hiểu bài, nhận biết yêu cầu của bài.  – GV có thể gợi ý giúp HS nhận biết: 1 đơn vị (khoảng cách từ vạch 0 tới vạch 1) chia thành 10 phần bằng nhau, khoảng cách giữa 2 vạch liền nhau là 1 phần 10 hay 0,1 🡪 Đếm thêm 1 phần 10 hay 0,1, ...  – Sửa bài, GV cũng có thể cho HS chơi tiếp sức (hoặc truyền điện) để sửa bài (tạo điều kiện cho nhiều HS điền/nói).  **Bài 3:**  – GV hướng dẫn HS tìm hiểu bài, nhận biết  yêu cầu của bài.  – GV “Hỏi nhanh – Đáp gọn” giúp HS ôn lại:  + Phân số thập phân có mẫu số là bao nhiêu?  + Viết một số thập phân bé hơn 1 thành phân số thập phân, ta chú ý điều gì?  – Sửa bài, GV khuyến khích nhiều nhóm trình bày.  Lưu ý: GV có thể đọc từng số cho HS viết vào bảng con rồi chuyển sang phân số thập phân (hỗn số có chứa phân số thập phân).  **Bài 4:**  – Sửa bài, GV có thể cho HS thi đua tiếp sức: gắn (hoặc nối) các thẻ có phân số thập phân và số thập phân bằng nhau, khuyến khích HS giải thích cách làm. | – HS (nhóm đôi) tìm hiểu bài, nhận biết yêu cầu của bài: Đọc số, nói giá trị của chữ số màu đỏ.  – GV có thể gợi ý các bước giúp HS thực hiện:  + Đọc số.  + Xác định vị trí chữ số màu đỏ (hàng)  🡪 Nói giá trị của chữ số màu đỏ.  – HS làm bài cá nhân rồi chia sẻ với bạn.  a) 7,4: Bảy phẩy tư; chữ số 4 có giá trị là 4 phần mười.  b) 60,51: Sáu mươi phẩy năm mươi mốt; chữ số 6 có giá trị là 6 chục, chữ số 1 có giá trị là 1 phần trăm.  c) 320,839: Ba trăm hai mươi phẩy tám trăm ba mươi chín; chữ số 8 có giá trị là 8 phần mười; chữ số 9 có giá trị là 9 phần nghìn.  d) 34,044: Ba mươi tư phẩy không trăm bốn mươi bốn; chữ số 4 ở hàng đơn vị có giá trị là 4 đơn vị; chữ số 4 ở hàng phần trăm có giá trị là 4 phần trăm; chữ số 4 ở hàng phần nghìn có giá trị là 4 phần nghìn.  – HS (nhóm đôi) tìm hiểu bài, nhận biết yêu cầu của bài.    – HS thực hiện cá nhân rồi chia sẻ với bạn.  – HS (nhóm đôi) tìm hiểu bài, nhận biết yêu cầu của bài: Viết số thập phân thành phân số thập phân hay hỗn số có chứa phân số thập phân.  + Phân số thập phân có mẫu số là 10; 100; 1000; ...  + Viết một số thập phân bé hơn 1 thành phân số thập phân, ta chú ý : Mẫu số của phân số thập phân có số chữ số 0 là số chữ số ở phần thập phân; tử số chính là phần thập phân.  – HS thực hiện cá nhân, rồi chia sẻ với bạn.  a) 0,4 = ; 0,93 = ; 0,072 = ;  b) 2,7 = 2 ; 18,6 = 18 ; 10,05 = 10 .  – HS thực hiện nhóm đôi.  A – P B – M C – N  Ví dụ: A: 🡪 3258 : 10 = 325 (dư 8)  🡪 325,8 🡪 P  HS có thể suy luận: Mẫu số của phân số  thập phân có một chữ số 0 🡪 Số  thập phân có một chữ số ở phần thập phân  🡪 325,8 | |
| **4. Vận dụng – Trải nghiệm**  - Mục tiêu: *Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.*  - Cách tiến hành: | | |
| **Bài 5:**  – Sửa bài, GV có thể cho HS dùng thẻ (hoặc viết đáp án vào bảng con) để chọn đáp án đúng, khuyến khích HS giải thích tại sao lại chọn đáp án đó. | | – HS xác định yêu cầu, thực hiện cá nhân.  Đáp án: D (vì chữ số 7 ở hàng phần trăm,  nên chữ số 7 có giá trị là  m 🡪 Câu A đúng;  m = 0,07 m 🡪 Câu B đúng;  m = 7 cm 🡪 Câu C đúng  🡪 Cả ba ý đều đúng  🡪 Câu D là câu trả lời đúng nhất. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................